

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2023

V/v Tranh chấp về nuôi con của nam,
nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Loan

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 24/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm N, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Lê H, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/8/2022, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm N trình bày:

Bà và ông Lê H có tổ chức đám cưới năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì hai vợ chồng bà sống chung với nhau tại nhà mẹ chồng tại ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, sống được mười mấy năm thì vợ chồng bà đi làm thuê ở Bạc Liêu. Thời gian đầu sống chung rất vui vẻ, hạnh phúc. Đến sau thì vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần hàn gắn tình cảm

nhưng không được, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà không còn tình cảm với ông H, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Hai vợ chồng bà đã ly thân với nhau từ ngày 19/5/2019 đến nay, lúc mới ly thân thì có liên lạc với nhau bằng điện thoại, sau này thì không còn liên lạc với nhau được nữa. Nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận bà và ông Lê H không phải là vợ chồng.

Còn về con chung thì bà và ông H có hai con chung là cháu Lê TTN, sinh ngày 02/3/2005 hiện nay đang sống bên nhà ông bà nội của cháu, cũng đã hơn 18 tuổi, đủ khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì và cháu Lê TV, sinh ngày 15/02/2010, hiện nay cháu TV đang sống chung với bà. Bà hiện nay làm nghề buôn bán tạp hóa, thu một một tháng bình quân khoảng 6.000.000 đồng nên bà yêu cầu được ổn định cho bà được nuôi cháu TV, bà rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét.

2/ Bị đơn ông Lê H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

3/ Tại biên bản xác minh lập ngày 21/4/2023 thì bà Nguyễn K là mẹ ruột của ông Lê H trình bày như sau:

Ông H là con ruột của bà, vẫn còn chung hộ khẩu với gia đình bà, hiện nay ông H đi làm ở thành phố, cũng thường xuyên về nhà, gia đình nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc bà Ngôn yêu cầu ly hôn với H thì có thông báo nội dung cho H hay, con bà có gọi điện thoại về nói là cũng đồng ý ly hôn. Đứa con lớn đã hơn 18 tuổi đang sống với bà, còn đứa con nhỏ đang sống với mẹ nó, H cũng thống nhất giao con cho vợ nuôi còn về cấp dưỡng thì không đồng ý, các vấn đề khác không có yêu cầu.

4/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, Tuyên bố bà N và ông H không phải là vợ chồng. Về con chung: Cháu TTN đã hơn 18 tuổi, bà Ngôn không có yêu cầu gì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; giao cháu Thảo TV cho bà N nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, bà N rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung, tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Xác định lại loại kiện: Ông Lê H và bà Lâm N có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại loại kiện trong vụ án này là Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê H và bà Lâm N sống chung với nhau vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N không được pháp luật công nhận.

[4] Trong khoảng thời gian sống chung thì ông bà cũng đã có hai con chung. Lẽ ra, trong quá trình sống chung ông bà lo chí thú làm ăn để xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà N trình bày bà và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà không còn tình cảm với ông H, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Hai vợ chồng bà đã ly thân với nhau từ ngày 19/5/2021 đến nay, lúc mới ly thân thì có liên lạc với nhau bằng điện thoại, sau này thì không còn liên lạc với nhau được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu công nhận bà và ông H không phải là vợ chồng. Còn ông H không có ý kiến nhưng theo xác minh mẹ ruột của ông H xác nhận ông H cũng thống nhất ly hôn với bà N.

[5] Thấy rằng, từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày ông bà đã không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, bà N và ông H đều thống nhất đề nghị Tòa án công nhận ông bà không phải là vợ chồng. Xét thấy, nền tảng của gia đình là sự thương yêu, tin tưởng, chăm sóc dành cho nhau giữa vợ và chồng nhưng ông bà đều thừa nhận hiện nay tình cảm giữa ông H và bà N đã hết, không thể tiếp tục sống chung như vợ chồng. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là chấp nhận yêu cầu của bà N và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa ông H và bà N là vợ chồng.

[6] Về con chung: Ông Lê H và bà Lâm N có hai con chung là cháu Lê TTN, sinh ngày 02/3/2005 và cháu Lê TV, sinh ngày 15/02/2010. Cháu Lê TTN, sinh ngày 02/3/2005 hiện nay đã hơn 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành, bà N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về cháu TV đang sống chung với bà N và bà N có yêu cầu nuôi con. Cháu TV hiện nay trên 13 tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì con đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Bà N có cung cấp bản trình

bày ý kiến của cháu TV thể hiện mong muốn sống với mẹ (bà N) sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, hiện nay cháu TV đang được mẹ ruột là bà N nuôi dưỡng, cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, ông H mặc dù không trực tiếp thể hiện ý kiến nhưng thông qua ý kiến của mẹ ruột ông H trình bày thì ông H cũng thống nhất giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Để đảm bảo môi trường sống của cháu TV được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu TV cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông H không ai được quyền ngăn cản. Từ đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn bà N.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà N rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong đơn kiện, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lâm N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007319 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lê N không phải chịu án phí.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố công nhận ông Lê H và bà Lâm N không phải là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê TV, sinh ngày 15/02/2010 cho bà Lâm N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Lê H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử, không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007319 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà N đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí. Ông Lê H không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu**

Đặng Thị Vàng